

# VỀ BỘ “ĐẠI THANH LUẬT LỆ” VÀ CÁC ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA NÓ

GS.TS. ĐỖ THANH BÌNH

THS. NGUYỄN THỊ THU THỦY

*Khoa Lịch sử, trường Đại học Sư phạm Hà Nội*

“Đại Thanh luật lệ” là bộ luật thành văn của triều đại phong kiến cuối cùng ở Trung Quốc – nhà Thanh. Ra đời sau một quá trình lập pháp kéo dài gần một trăm năm (1644 – 1741), “Đại Thanh luật lệ” đã hấp thụ được toàn bộ những tinh hoa lập pháp hơn hai nghìn năm của phong kiến Trung Quốc và tổng kết những kinh nghiệm quý báu trong việc vận dụng pháp luật để điều chỉnh những quan hệ kinh tế, chính trị, xã hội và quan hệ với vùng dân tộc thiểu số... trong những năm đầu đời Thanh. Do vậy, nó được nhiều nhà luật học Trung Quốc đánh giá là một bộ luật mang dấu ấn đặc sắc của thời đại và là thành tựu rực rỡ trong kho tàng pháp luật phong kiến Trung Hoa.

Bài viết này mong muốn bước đầu giới thiệu quá trình ra đời, cấu trúc và những nét đặc trưng cơ bản của bộ “Đại Thanh luật lệ”.

## 1. Quá trình ra đời

“Đại Thanh luật lệ” ra đời là kết quả của một quá trình lập pháp lâu dài (1644

– 1741), trải các triều vua Thuận Trị, Khang Hy, Ung Chính và Càn Long.

Tháng 10-1644, sau khi đánh bại đạo quân của Lý Tự Thành, buộc Lý Tự Thành phải rút lui khỏi Bắc Kinh, Hoàng đế Thuận Trị đã từ Thanh Kinh dời về Bắc Kinh, tổ chức nghi lễ tế trời đất, lên ngôi Hoàng đế lần thứ hai. Sự kiện này đánh dấu bước ngoặt mới trong lịch sử phát triển của triều đại Thanh – thời kỳ thống trị toàn đất nước Trung Hoa.

Trong mấy năm đầu thời Thuận Trị do còn phải giải quyết nhiều khó khăn, nhà nước chưa thể ban hành một bộ luật thành văn của riêng triều đại nên vua vẫn hạ lệnh cho “dùng luật nhà Minh”<sup>(1)</sup>: “Trong thiên hạ vẫn dùng luật nhà Minh, nếu có người dốt trá, làm bừa dù ở mức độ nặng hay nhẹ, đều chiếu theo tội nặng mà xử”<sup>(2)</sup>.

Tháng 5-1646, bộ luật thành văn đầu tiên của nhà Thanh “Đại Thanh luật tập giải phụ lệ” được ban hành, gồm 458 điều luật chính và nhiều điều lệ kèm theo. Sự

ra đời của “*Đại Thanh luật tập giải phụ lệ*” đánh dấu giai đoạn “*chuẩn y luật nhà Minh*” kết thúc. Nhưng thực tế, “*Đại Thanh luật tập giải phụ lệ*” sao chép hầu như nguyên vẹn “*Đại Minh luật tập giải phụ lệ*”. Sử gia nổi tiếng thời Thanh là Đàm Thiên trong tác phẩm “*Bắc du lục*” đã đánh giá rất thấp bộ luật này, cho rằng: “*Luật Thanh chẳng qua chỉ là đổi tên luật của nhà Minh mà thôi*”<sup>(3)</sup>. Một học giả Nhật Bản cũng bổ sung thêm: “*“Đại Thanh luật tập giải phụ lệ” ngoài 458 điều luật chính thức ra còn có 449 điều lệ phụ kèm phía sau các điều luật. Trong số đó có 380 điều lệ giống hoàn toàn với một bộ phận của bản khắc “Đại Minh luật tập giải phụ lệ” năm Vạn Lịch thứ 38 (1610) (chính là những quy định trong “Vấn hình điều lệ” phụ kèm vào sau các điều luật (trong “Đại Minh luật – TG chú)), những điều lệ còn lại cũng đều được ban bố cuối thời Minh, không có một điều lệ nào là của nhà Thanh cả*”<sup>(4)</sup>. Vua Thuận Trị trong lời mở đầu bộ luật cũng thừa nhận: “*Đại Thanh luật tập giải phụ lệ*” là kết quả của việc “*khảo sát một cách kỹ lưỡng luật nhà Minh, tham khảo tình hình đất nước, tăng giảm số lượng điều luật*” mà thành. Chỗ sáng tạo và phát triển không đáng kể, nhiều quy định khác xa với hiện thực xã hội đầu thời Thanh. Do vậy, “*Đại Thanh luật tập giải phụ lệ*” sau khi ban hành đã không được chấp hành nghiêm chỉnh. Thực trạng này được phản ánh trong bản tấu của bộ Hình trình lên vua Thuận Trị năm 1651: *Luật lệ ngày nay đã ban hành*

*lâu nhưng không thấy được tuân thủ, chấp hành.*

Yêu cầu đặt ra là dù sớm, dù muộn cũng cần phải xây dựng một bộ luật phù hợp hơn với những đòi hỏi trong quá trình cai trị đất nước của nhà Thanh. Trách nhiệm này đặt lên người kế vị vua Thuận Trị - Hoàng đế Khang Hy.

Sau khi lên nối ngôi, năm 1679, vua Khang Hy lệnh cho Hình bộ căn cứ vào thực tiễn xã hội, khảo xét tất cả những điều lệ cũ, mới, biên soạn “*Hiện hành tắc lệ*”. “*Hiện hành tắc lệ*” của nhà Thanh cũng giống như “*Vấn hình điều lệ*” của nhà Minh có vai trò bổ sung cho các điều luật trong “*Đại Thanh luật tập giải phụ lệ*”, được áp dụng thi hành song song với “*Đại Thanh luật tập giải phụ lệ*”.

Năm 1689, vua Khang Hy lại tiến hành đợt tu chỉnh luật tương đối lớn theo hướng kết hợp “*Hiện hành tắc lệ*” với “*Đại Thanh luật tập giải phụ lệ*”. Căn cứ vào nội dung điều lệ trong “*Hiện hành tắc lệ*” mà sắp xếp vào cho phù hợp với tên các điều luật của “*Đại Thanh luật tập giải phụ lệ*”. Tuy nhiên, khi công việc hoàn thành, Khang Hy chỉ lưu lại để xem xét, đối chiếu mà không chính thức ban hành rộng rãi trong thiên hạ.

Ung Chính nối ngôi, kế thừa những thành tựu lập pháp của cha, năm 1725, vua cho ban hành “*Đại Thanh luật tập giải*”. “*Đại Thanh luật tập giải*” về cơ bản vẫn bảo lưu lại những điều luật, điều lệ của “*Đại Thanh luật tập giải phụ lệ*”. Vì vậy, nó vẫn không thoát khỏi ảnh hưởng

của luật nhà Minh. Điểm mới trong “*Đại Thanh luật tập giải*” là bổ sung thêm phần giải thích phía sau các điều luật. Trong phần tiểu chú (chữ nhỏ) ở mỗi điều luật cũng có sự điều chỉnh nhất định theo hướng bổ sung thêm một số chữ, tuy không nhiều nhưng làm cho nội dung các điều luật thêm rõ ràng. “*Đại Thanh luật tập giải*” căn cứ vào nhu cầu thống trị của nhà Thanh cũng lược bỏ một số điều lệ của luật Minh, thêm vào nhiều điều lệ mới.

Cần Long lên nối ngôi tiếp tục công việc tu chỉnh, sửa chữa và hoàn thiện bộ luật của triều đại. Sau nhiều lần sửa đổi bộ luật (theo hướng khảo xét lại các điều luật; chỉnh sửa, hiệu đính cẩn thận những điều lệ, tăng giảm sao cho điều hòa, thống nhất với tên các điều luật; thêm bớt, tăng giảm những chú thích nhỏ trong các điều luật...), năm 1741, vua Cần Long ban hành một bộ luật mới với tên gọi “*Đại Thanh luật lệ*”, kết thúc quá trình lập pháp lâu dài của nhà Thanh. “*Đại Thanh luật lệ*” là kết tinh những thành tựu lập pháp tiêu biểu của phong kiến Trung Quốc hơn hai nghìn năm, tổng kết được những kinh nghiệm hành pháp trong gần một trăm năm đầu triều đại nên ở mức độ nhất định, nó đáp ứng được nhu cầu thống trị đất nước của nhà Thanh. Do đó, từ sau năm 1741, mỗi thời kỳ đều có bổ sung các điều lệ nhưng “*Đại Thanh luật lệ*” vẫn được áp dụng thi hành cho đến cuối triều đại.

Tóm lại, trải qua một quá trình lâu dài, từng bước (từ Thuận Trị năm thứ ba

(1646), Ung Chính năm thứ ba (1725) đến Cần Long năm thứ năm (1741), lần lượt ban hành *Đại Thanh luật tập giải phụ lệ*, *Đại Thanh luật tập giải* và cuối cùng là *Đại Thanh luật lệ*), luật pháp nhà Thanh từ việc đơn giản sử dụng và sao chép luật nhà Minh, đến căn cứ vào những yêu cầu của việc thống trị khi định đô ở Bắc Kinh, đã không ngừng hoàn thiện và phát triển những điều luật, điều lệ của luật Minh. Sự ra đời của “*Đại Thanh luật lệ*” là kết quả từ những nỗ lực không ngừng của các Hoàng đế nhà Thanh trong quá trình củng cố và tăng cường sự thống trị của một dân tộc thiểu số đối với một đất nước Trung Hoa rộng lớn.

## 2. Kết cấu của bộ luật

Cụ thể mà nói, nếu so sánh “*Đại Thanh luật tập giải phụ lệ*” đầu thời Thanh với bộ luật nhà Minh, thì về kết cấu và nội dung không có thay đổi gì lớn so với “*Đại Minh luật tập giải phụ lệ*” ban hành cuối thời Minh. Điểm khác biệt lớn nhất là luật Thanh ít hơn 2 điều luật so với luật Minh (luật Minh có 460 điều, “*Đại Thanh luật tập giải phụ lệ*” có 458 điều).

“*Đại Thanh luật tập giải*” ban hành dưới thời Ung Chính bỏ bớt đi 7 điều luật của luật Minh và thêm vào 4 điều luật mới. Nhiều điều lệ trong luật Minh cũng được lược bỏ nhưng cấu trúc thì vẫn giữ nguyên như “*Đại Minh luật tập giải phụ lệ*” nhà Minh.

“*Đại Thanh luật lệ*” - bộ luật được coi là hoàn thiện của triều Thanh, về mặt

hình thức kết cấu cũng giống với luật Minh, chia thành 7 phần: Danh lệ luật, Lại luật, Hộ luật, Lễ luật, Binh luật, Hình luật, Công luật, chép thành 39 quyển. Các điều luật chính gồm 436 điều, điều lệ có 1765 điều<sup>(5)</sup>. Điều đặc biệt trong cấu trúc của “Đại Thanh luật lệ” là hình thức kết hợp giữa luật và lệ<sup>(6)</sup>. Những điều luật được gọi tên rõ ràng, sau đó có các điều lệ được bổ sung phía sau các điều luật, quy định rõ ràng hơn các đối tượng phạm tội và mức độ nặng nhẹ của hình phạt.

Lấy điều luật thứ 51 “Tín bài” trong “Đại Thanh luật lệ” làm ví dụ minh họa.

Nội dung điều luật quy định: “*Phạm phủ, châu, huyện đặt ra tín bài là để (bắt phạm nhân và đôn đốc công vụ). Theo đường đất gần hay xa định ra thời hạn hành trình phí báo. Kẻ nào vi phạm (chỉ người được sai phái vi phạm hạn định trong tín bài) 1 ngày bị đánh 10 roi. Mỗi 1 ngày bị tăng thêm một mức tội, chỉ đánh đến 40 roi. Nếu quan ở phủ, châu, huyện, gặp công việc đốc thúc phải xử lý, không thì hành theo luật thì phải phát khiến tín bài, tự mình xuống sở thuộc ngồi đôn đốc thì bị đánh 100 trượng (sở thuộc là chỉ châu, huyện, hương, thôn). Còn các loại trông nom cầu cống, bờ bến, dịch truyền khám xét tai nạn thương tích, kiểm tra thi hài, bắt giặc, soạn thảo công văn thì không ở trong hạn định này*”.

Trong điều luật này còn có 2 điều lệ kèm theo.

“1. Các quan viên từ phủ, huyện trở lên, phạm công văn quan hệ đến phản

*ngịch, quân nhu, dịch trạm, là những việc trọng đại, thì cứ chiếu theo lệ phái người đi. Ngoài ra, những việc nhỏ nhặt thì chỉ tiến hành đôn đốc. (Nếu làm trái lệ), sai người đi công dịch, thì quan ở trấn doanh xét hỏi đích danh. Nếu không xét hỏi, sự việc phát giác thì đều bị đưa ra xét xử. Đối với trấn doanh, đối với việc bình thường mà sai phái công việc làm hại đến dân, thì cũng bị trao cho bộ xét xử.*

2. Các án lớn, nhỏ ở châu huyện, phạm có...nên tùy lúc nếu như gặp lúc phong án mà án vẫn chưa kết xong, thì hãy tạm thời phong tỏa nhiều đợt khi khai án thì sẽ sai đi bắt cấp nhiều khác. Nếu làm trái thì các quan châu, huyện sẽ bị đem xét xử theo mức độ khác nhau”<sup>(7)</sup>.

Các điều luật khác trong bộ luật cũng được kết cấu như vậy. Một điều luật có thể có nhiều điều lệ đi kèm nhưng cũng có những điều luật không có điều lệ nào đi kèm. Do luật là “thường pháp của muôn đời” còn lệ chỉ là những ý chỉ căn cứ vào thực tiễn hoàn cảnh nên cách cấu trúc như vậy vừa đảm bảo được tính ổn định của pháp luật, lại vừa thể hiện sự linh hoạt, thúc thời của luật pháp, thuận tiện cho cả người thi hành và người chấp hành luật.

### **3. Những nét đặc trưng cơ bản của “Đại Thanh luật lệ”**

*Đại Thanh luật lệ* nhìn từ hình thức kết cấu, tinh thần lập pháp và nội dung là sự tiếp thu những kinh nghiệm lập pháp của các triều đại phong kiến Trung

Quốc trước đó, đặc biệt là nhà Minh. Tuy vậy, những điều luật, nhất là điều lệ của nó cũng là sự khảo sát rất kỹ lưỡng tình hình thực tế, đáp ứng những yêu cầu của thời đại đặt ra, đủ sức điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh trong suốt thời kỳ thống trị của nhà Thanh. Do đó, “*Đại Thanh luật lệ*” mang nét đặc trưng của thời đại mình. Và đương nhiên, nét đặc trưng mang tính thời đại của bộ luật nhà Thanh chủ yếu thông qua số lượng và nội dung của các điều lệ. Có thể khái quát ở mấy điểm sau đây:

### **3.1. “*Đại Thanh luật lệ*” tăng cường mạnh mẽ việc bảo vệ Hoàng quyền và chế độ gia trưởng phụ quyền.**

Trong lịch sử, các triều đại phong kiến muốn duy trì sự thống trị của mình đều phải tiến hành các biện pháp nhằm bảo vệ hạt nhân của chế độ phong kiến là Hoàng quyền và chế độ gia trưởng phụ quyền. Nhà Thanh là một vương triều phong kiến nên điều đó cũng không phải là ngoại lệ.

Tuy nhiên, nhà Thanh tồn tại trong bối cảnh hoàn toàn khác so với các triều đại phong kiến ở Trung Quốc trước đó. Thế kỷ XVII, khi những quý tộc Mãn Thanh hùng hực khôi phục và củng cố vương quyền của triều đại thì trên thế giới chế độ phong kiến đã bước vào giai đoạn suy yếu. Ở phương Tây, các quốc gia đang ồ ạt tiến hành cách mạng tư sản, lật đổ chế độ phong kiến, thiết lập một chế độ xã hội mới – chế độ tư bản chủ nghĩa. Ở Trung Quốc, nhà Thanh vẫn kiên trì bảo lưu chế độ phong kiến

đã trở nên lạc hậu, cố gắng bảo vệ hạt nhân của chế độ phong kiến – Hoàng quyền và chế độ gia trưởng là đi ngược lại với xu thế phát triển của thời đại. Vì vậy, trong quá trình duy trì sự thống trị của vương triều, luật pháp nhà Thanh đã dùng những hình phạt nặng hơn so với luật nhà Minh để bảo vệ Hoàng quyền, như mở rộng đối tượng phạm tội, gia tăng hình phạt, mở rộng đối tượng liên đới. Lấy các điều luật và điều lệ của tội *mutu phản* làm ví dụ.

Tội *mutu phản* trong luật Minh và luật Thanh đều có các điều luật “*Mưu phản đại nghịch*”, “*Mưu phản*”, “*Tạo yêu thư yêu ngôn*”. Luật Minh không có điều lệ nào đi kèm các điều luật nhưng luật Thanh có đến 13 điều lệ phụ kèm 3 điều luật này. Theo đó, đối tượng phạm tội mưu phản được mở rộng hơn: *Tà giáo, truyền đồ hoặc tụ tập đông người, những người không cùng huyết thống mà kết nghĩa huynh đệ cũng đều có thể luật thành tội phản nghịch*<sup>(8)</sup>.

Điều luật “*Mưu phản đại nghịch*” trong luật Minh quy định: “*Phàm phạm tội mưu phản kể tất cả những kẻ cùng mưu, không phân biệt thủ phạm hay tòng phạm đều bị tội xử tử lăng trì*” [9]. Luật Thanh không những không phân biệt người đứng đầu và tòng phạm mà còn thêm phần tiểu chú với nội dung dù (đã hay chưa hành động) đều bị xử tội lăng trì<sup>(10)</sup>. Đối tượng liên đới trong luật Thanh cũng được mở rộng hơn: “*Phàm bọn bất mãn, hòa máu ăn thề liên kết với bọn thổ hào, bọn côn đồ chợ búa, bình*

*lính nha dịch, kẻ xướng xuất người hưởng ứng, làm hại lương dân*”<sup>(11)</sup> đều xếp vào tội mưu phản.

Việc bảo vệ chế độ gia trưởng phụ quyền, luật Thanh cũng chặt chẽ và nghiêm khắc hơn luật Minh.

Chẳng hạn, điều lệ của điều luật “*Biệt tịch dị tài*” (Tách hộ để chia của) ngoài quy định: “*Phàm ông bà cha mẹ còn sống thì con cháu không được chia của ở riêng*” như luật Minh, luật Thanh còn thêm tiểu chú với nội dung “*ở đây nói chia của ở riêng, nghĩa là còn chưa lập hộ tịch riêng. Hễ phạm luật sẽ bị xử tội trượng cao nhất*”<sup>(12)</sup>. Hay như phần luật hôn nhân, trong 16 điều luật quy định về hôn nhân, luật Minh chỉ có 4 điều lệ đi kèm, số lượng điều lệ của luật Thanh tăng lên đến 23 điều. Trong số đó có những điều luật đã tước đi quyền tự do hôn nhân của thanh niên nam nữ, hôn nhân hoàn toàn phải nghe theo lời cha mẹ. Nếu “*ông bà, cha mẹ đều không còn thì phải do bậc tôn thân làm chủ hôn*”<sup>(13)</sup>.

Như vậy, luật pháp bảo vệ Hoàng quyền và chế độ gia trưởng phụ quyền của nhà Thanh đã gia tăng hơn so với các triều đại phong kiến trước đó ở Trung Quốc, trước nhất là trong so sánh với luật Minh. Sự gia tăng hình phạt trong luật Thanh ở mức độ này hay mức độ kia đều là bước lùi trong lịch sử lập pháp của phong kiến Trung Quốc.

**3.2. “Đại Thanh luật lệ” bảo vệ quyền lợi chủ yếu của người Mãn và**

**thực thi các hình phạt nghiêm khắc hiếm thấy trong lịch sử đối với các dân tộc khác.**

Trong khi thi hành các hình phạt, nếu người Mãn và người Hán cùng phạm tội như nhau thì người Mãn được hưởng hình phạt nhẹ hơn so với người Hán. Ngoài ra, người Mãn còn được hưởng các đặc quyền như giảm tội, thay đổi hình phạt... Người Mãn cũng có một hệ thống tư pháp đặc biệt thụ lý những vụ án nhằm bảo vệ quyền lợi cho họ.

Bên cạnh việc trao đặc quyền cho người Mãn, luật Thanh cũng rất nghiêm khắc đối với người Hán và các dân tộc khác theo hướng: tăng nặng hình phạt, tăng thêm tội danh và mở rộng liên đới.

Chẳng hạn như, để hạn chế tụ tập đông người, trấn áp những người có tư tưởng chống đối nhà Thanh và phản lại chế độ phong kiến, điều luật “*Mưu phản đại nghịch*”, luật Thanh đã bổ sung các tội “*xướng lập tà giáo*”, “*biên tạo tà thuyết*”; điều luật “*Tạo yêu thư yêu ngôn*” thêm vào tội “*vong bố tà ngôn*”. Các tội “*xướng lập tà giáo*”, “*biên tạo tà thuyết*” đều xử phạt bằng với tội phản nghịch. Những điều luật này khiến nhiều phân tử tri thức người Hán vì một chữ hay một câu nói mà bị khép vào tội mưu phản<sup>(14)</sup>.

Hoặc như để bảo vệ trật tự xã hội phong kiến và tài sản của giai cấp thống trị, luật Thanh trừng trị nghiêm khắc đối với những người phạm tội ăn trộm, ăn cắp. Đối với những khu vực đặc biệt, những đối tượng đặc biệt thì thi

hành những hình phạt đặc biệt (mức độ nặng hơn so với thông thường). Điều 268 về “*Bạch trú thương đoạt*” (Cướp giật giữa ban ngày), phần điều lệ quy định: “*Bọn trộm cướp ở tỉnh Tứ Xuyên và các vùng giáp ranh với 3 tỉnh Hà Nam, An Huy, Hồ Bắc, 3 phủ Khắc Châu, Nghi Châu, Tào Châu của tỉnh Sơn Đông, 3 phủ Hoài An, Từ Châu, Hải Châu của tỉnh Giang Tô, nếu có bọn thổ phỉ, bạch chàng thủ, duệ đao thủ...tụ tập ở những nơi có lửa, hoành hành cướp bóc, khảo xét 5 người, không phân biệt đứng đầu hay tòng phạm, đều đưa về làm ruộng, cấp cho quan binh người Mãn đóng quân ở vùng Nội Mông làm nô lệ. Đánh người khác bị thương, nếu vết thương do đao chém trở lên, bị xử chém, giam chờ. Vết thương không phải do đao bằng kim loại gây ra, vết thương bình phục nhẹ thì bị treo cổ giam chờ*”<sup>(15)</sup>. Đài Loan cũng bị liệt vào những vùng phải chịu hình phạt nặng<sup>(16)</sup>. Những đối tượng đặc biệt cũng thi hành những hình phạt rất hà khắc: “*Phàm người Hồi kết bè đảng cướp giật của cải từ 3 người trở lên không phân biệt người đứng đầu hay tòng phạm, đều bị sung vào quân đến những vùng có khí độc ở Vân Nam, Quý Châu, Lưỡng Quảng*”<sup>(17)</sup>.

### 3.3. “Đại Thanh luật lệ” cố gắng duy trì quan hệ sản xuất phong kiến, hạn chế những mầm mống của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa

Thời kỳ Khang-Ung-Càn<sup>(18)</sup>, sự thống nhất và ổn định của Trung Quốc giúp

nhà Thanh có điều kiện phục hồi và phát triển nền kinh tế. Nhiều chính sách, quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực kinh tế ra đời, thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế, tạo nên thời đại hoàng kim trong lịch sử phát triển của nhà Thanh, mà sử thường gọi “*Thời đại thịnh thế*”. Tuy nhiên, những chính sách và quy định mang tính luật pháp chỉ nhằm phục hồi và phát triển nền kinh tế phong kiến, củng cố sự nảy sinh những quan hệ phong kiến chứ không nhằm tạo điều kiện cho sự nảy sinh và phát triển quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Những mầm mống của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa manh nha và phát triển ở thời kỳ này là do sự phát triển tự thân của nền kinh tế sinh ra, chứ không phải là kết quả của những chính sách có tính chủ động của nhà Thanh. Do đó, đối với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa mới manh nha, nhà Thanh, một mặt, thi hành mọi biện pháp nhằm cản trở và hủy hoại, mặt khác thực hiện những quy định bảo hộ nghiêm ngặt đối với cơ sở kinh tế của nhà nước phong kiến.

Những quy định liên quan đến lĩnh vực kinh tế trong “*Đại Thanh luật lệ*” chủ yếu ở phần *Hộ luật* và *Công luật*. Những điều luật bàn về kinh tế trong bộ luật nhà Thanh nhiều hơn so với tất cả các bộ luật thành văn của các triều đại phong kiến trước đây. Điều này thể hiện sự coi trọng của nhà nước phong kiến đối với việc vận dụng những thủ đoạn pháp luật để điều chỉnh quan hệ kinh tế trước sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế.

Trong phần này, chúng tôi tập trung nghiên cứu những điều lệ trong luật Thanh đối với việc cản trở và hủy hoại những mầm mống quan hệ sản xuất tư bản mới manh nha ở mấy điểm sau:

*Thứ nhất*, luật pháp cấm tiến hành các hoạt động buôn bán, trao đổi, hạn chế sự gia tăng của bộ phận cư dân làm nghề kinh doanh.

Việc cấm trao đổi buôn bán được nhà nước giữ độc quyền đối với các sản phẩm của ngành thủ công nghiệp. Luật Thanh có những quy định liên quan đến việc độc quyền này, như cấm nhân dân buôn bán một số mặt hàng trong quy định (như: diêm, sắt, chè, vàng, bạc, đồng, thiếc, quặng, lưu huỳnh...). Ví dụ như trong điều luật 144 *Diêm pháp* có 24 điều lệ, quy định một cách tỉ mỉ, chặt chẽ và xử phạt nghiêm khắc những người làm trái. Chẳng hạn, “*Những người tiến hành buôn bán qua biên giới 3000 cân (1 cân = 500g – TG chú) muối trở lên, tra hỏi xong thì đưa đến vùng phụ cận sung vào quân*”<sup>(19)</sup>. Những điều luật liên quan đến chè, phèn chua (điều luật 144, 145)... cũng có những điều luật quy định mức xử phạt tương tự như vậy<sup>(20)</sup>.

Những điều lệ quy định độc quyền buôn bán của nhà nước giúp nhà nước gia tăng tài chính của quốc gia, nhưng trên thực tế nó là nhân tố làm hạn chế và kìm hãm ghê gớm sự phát triển và lưu thông hàng hóa.

*Thứ hai*, hạn chế nghiêm ngặt sự phát triển của thủ công nghiệp và ngành khai mỏ.

Thời nhà Thanh, thủ công nghiệp và ngành khai mỏ đã có những bước phát triển mạnh mẽ dựa trên nền tảng có từ thời Minh. Ngành dệt tơ lụa ở Giang Nam, mỗi năm một hộ có thể làm được 400 – 500 tấm lụa. Quy mô của ngành khai mỏ còn lớn hơn. Mỗi mỏ đồng ở Vân Nam phải đếm được cả vạn người.

Triều đình nhà Thanh ý thức được rằng thủ công nghiệp và khai mỏ là những ngành nghề đảm bảo cuộc sống của trăm họ và có tác dụng nhất định trong việc thúc đẩy kinh tế phát triển, không thể chỉ căn cứ vào mục đích của những người cầm quyền phong kiến mà cấm tuyệt đối, nên chỉ có thể thực hiện những biện pháp hạn chế sự phát triển của nó. Chẳng hạn như ở Giang Nam, quy định: *Muốn làm nghề dệt phải có giấy chứng nhận. Để được cấp giấy chứng nhận, mỗi hộ phải dệt thối 100 tấm, mỗi tấm nộp 50 lượng, hàng dệt bằng máy được chấp nhận, những cái khác hủy bỏ*.

Đối với ngành khai mỏ, nhà Thanh lo lắng việc tập hợp một số lượng đông các quần chúng trong các mỏ, có thể mượn việc khai mỏ mà tiến hành các hoạt động chống nhà Thanh. Do đó, đối với những người làm nghề khai mỏ, nhà nước rất thận trọng. Các quan địa phương có nhiệm vụ tra xét kỹ tên, tuổi, quê quán của những chủ mỏ, rồi mới cấp giấy phép cho họ tiến hành hoạt động khai mỏ. Những tư nhân tự ý làm, nếu bị phát hiện thì chiếu theo luật nặng trị tội.

*Thứ ba*, hạn chế sự phát triển nông

ng nghiệp theo tính chất hàng hóa, nhằm ngăn cản sự phát triển của kinh tế hàng hóa trong nông nghiệp.

Nhà Thanh mặc dù vẫn luôn khẳng định “*lấy nông nghiệp trong thiên hạ làm gốc*”, nhưng thực tế nhà nước chỉ coi trọng phát triển nghề trồng lúa. Ngoài trồng lúa, những nghề trồng trọt khác và chăn nuôi đều không được coi trọng. Đặc biệt, khi những mầm mống buôn bán, trao đổi xuất hiện thì nhà Thanh thi hành những biện pháp cấm đoán làm thui chột sự phát triển đó.

Chẳng hạn đối với nghề trồng cây bông. Khi ngành thủ công nghiệp dật phát triển, đòi hỏi với số lượng bông lớn. Nhiều người nông dân bỏ trồng lúa chuyển sang trồng bông. Diện tích trồng bông tăng lên, diện trồng lúa giảm. Đứng trước thực trạng đó, nhà Thanh ra quy định: *Những đồng ruộng từ một khoảnh trở lên chỉ được trồng bông một nửa, một nửa còn lại phải trồng lúa*. Đối với việc trồng cây thuốc lá, nhà nước cũng hạ lệnh: *Việc trồng cây thuốc lá, phá bỏ những vùng đất hoang vu, việc kinh doanh không được gây trở ngại cho lợi ích của ngành nông nghiệp*. Các ngành khác như trồng mía, cây ăn quả, chè... nhà Thanh cũng vì bỏ gốc lấy ngọn, bỏ cái chính lấy cái phụ mà thi hành các luật cấm tương tự.

*Thứ tư*, thực hiện chính sách “*hải cấm*”, hạn chế sự phát triển mậu dịch và giao lưu buôn bán.

Trong “*Đại Thanh luật lệ*”, phần *Bình luật*, điều 225 “*Tư xuất ngoại cảnh cập vi cấm hạ hải*” (Mang lậu hàng hóa ra

ngoài cõi và vi phạm lệnh cấm mà ra biển) có tới 36 điều lệ kèm theo nhằm quy định rõ ràng hơn cho điều luật. Đầu tiên, thực hành việc quản lý chặt chẽ đối với việc buôn bán người và các vật phẩm: “*Phàm đem ngựa, trâu, quân nhu, hàng hóa về sắt (chưa chế quân khí), tiền đồng, các thứ tơ, lụa, gấm lén đem ra biển buôn bán với người nước ngoài, phạt 100 trượng... Nếu đem người và quân khí xuất khẩu thì bị tội giảo, giam chờ xét xử*”<sup>(21)</sup>. Đối với lương thực, quặng, vàng... nhà nước cũng không cho phép xuất khẩu ra nước ngoài. Việc đóng tàu thuyền đi biển cũng đều có những quy định một cách rất tỉ mỉ và nghiêm minh.

Nhà Thanh cũng ban bố không ít những điều luật hạn chế ngoại thương, cấm những thương nhân nước ngoài và người Trung Quốc đi lại, tiếp xúc với nhau. Những điều này đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới sự du nhập của những tư tưởng phương Tây vào Trung Quốc.

Chính sách “*hải cấm*” đã khiến khoảng cách xã hội giữa Trung Quốc và phương Tây ngày càng xa. Nhà Thanh đã tự làm thui chột đi những mầm mống của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa mới manh nha ở Trung Quốc, hạn chế sự giao lưu khoa học kỹ thuật của Trung Quốc với phương Tây, đưa đến những hậu quả rất nghiêm trọng cho sự phát triển của xã hội Trung Quốc.

\*

Trên đây là những nét cơ bản về quá

trình ra đời, cấu trúc, nội dung và nét đặc trưng của bộ “*Đại Thanh luật lệ*”. Việc nghiên cứu sâu sắc hơn về nội dung cũng như mối quan hệ của “*Đại Thanh luật lệ*” với các bộ luật khác trong lịch sử chế độ phong kiến Trung Quốc và ảnh hưởng của nó tới các bộ luật của nhà nước phong kiến Việt Nam sẽ dành để trình bày ở những công trình nghiên cứu tiếp theo.

#### **CHÚ THÍCH:**

(1) Trong thời gian tồn tại của mình, nhà Minh (1368 – 1644) đã ban hành hai bộ luật lớn. Bộ luật thứ nhất là “*Đại Minh luật*” ban hành vào năm Hồng Vũ thứ 30 (1397), gồm 30 quyển, tổng cộng 460 điều, chia thành 7 phần, 30 mục. Giữa thời Minh, để đáp ứng những đòi hỏi mới của việc quản lý xã hội, từ Gia Tĩnh trở về sau, nhà nước ban hành thêm “*Vấn hình điều lệ*” là những quy định pháp luật bổ sung thêm cho “*Đại Minh luật*”, sau được gọi là các điều lệ. Các điều lệ liên tục được bổ sung qua các thời kỳ. Đến năm Vạn Lịch thứ 13 (1585), vua cho ban hành “*Đại Minh luật tập giải phụ lệ*” trong đó vẫn giữ nguyên 460 điều luật của “*Đại Minh luật*” bổ sung thêm vào phía sau mỗi điều luật là các điều lệ trong “*Vấn hình điều lệ*”. Do vậy, “*Đại Minh luật tập giải phụ lệ*” khác “*Đại Minh luật*” ban hành trước đó về mặt kết cấu (sau mỗi điều luật có các điều lệ), hơn về mặt nội dung (phần các điều lệ). Tùy từng trường hợp cụ thể chúng tôi dùng các tên “*Đại Minh luật*”, “*Đại Thanh luật tập giải phụ lệ*” và luật Minh.

(2) Dẫn theo: 高学强.论清律对明律的继承和发展[J], 长安大学学报(社会科学版), 2006年, 第8卷, 第2期, tr.75

(3) Dẫn theo: 高学强.论清律对明律的继承和发展[J], Sđd, tr.75

(4) Dẫn theo: 高学强.论清律对明律的继承和发展[J], Sđd, tr.77

(5) Do số lượng điều lệ liên tục được bổ sung qua các triều đại nhà Thanh nên việc chép số lượng điều lệ trong các văn bản khác nhau là khác nhau. Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng số liệu thống kê trong 田涛, 郑秦.大清律例[M]. 天津市:天津古籍出版社, 1993 – cuốn sách do các nhà luật học Trung Quốc đương đại biên tập và xuất bản, trong đó tập hợp các điều lệ trong suốt triều đại nhà Thanh.

(6) Trong lịch sử lập pháp của Trung Quốc cổ đại, việc lựa chọn hình thức biên soạn điều luật đi kèm với các điều lệ không phải đến thời Thanh mới có.

Trước đó, thời Lưỡng Tống, việc áp dụng thực hiện những sắc chỉ mang tính luật pháp song song với điều luật ngày càng được mở rộng. Điều đó vừa thể hiện sự thích ứng linh hoạt của nhà nước trước những đòi hỏi mới của xã hội, cũng vừa là một hình thức bổ sung những điều luật mới cho bộ luật cũ. Đây là những mầm mống ban đầu cho hình thức biên soạn điều luật kết hợp với điều lệ.

Thời Minh, khi ban hành “*Đại Minh luật*” năm 1397 thì chỉ có 460 điều luật, không có điều lệ đi kèm. Sau này, trong quá trình phát triển của triều đại, để đáp ứng những đòi hỏi mới của tình hình xã hội, nhà Minh đã ban hành “*Vấn hình điều lệ*” bổ sung cho những điều luật trong “*Đại Minh luật*”, gọi là các điều lệ. Số lượng các điều lệ tăng lên theo thời gian. Năm 1585, Vạn Lịch tiến hành đợt sửa đổi luật theo hướng kết hợp “*Đại Minh luật*” và “*Vấn hình điều lệ*” thành một bộ luật thống nhất với tên gọi “*Đại Minh luật tập*”

*giải phụ lệ*”. Kết cấu bộ luật có thay đổi chút ít. Sau mỗi điều luật có điều lệ đi kèm. Một điều luật có thể có nhiều điều lệ phụ kèm nhưng cũng có những điều luật không có điều lệ nào cả.

(7) 田涛, 郑秦. 大清律例[M]. 天津市: 天津古籍出版社, 1993, 第 166-167 页

(8) Xem thêm: 田涛, 郑秦. 大清律例[M]. Sdd, 第 254 律文, 第 358-362 页

(9) 怀效锋. 大明律[M]. 北京: 法律出版社, 1999, 第 134 页

(10) 田涛, 郑秦. 大清律例[M]. Sdd, 第 254 律文, 第 358 页

(11) 田涛, 郑秦. 大清律例[M]. Sdd, 第 254 律文, 第 360 页

(12) 田涛, 郑秦. 大清律例[M]. Sdd, 第 87 律文, 第 201 页

(13) 田涛, 郑秦. 大清律例[M]. Sdd, 第 398 条例, 第 218 页

(14) Lịch sử nhà Thanh đã xảy ra nhiều vụ án văn chương lớn: Vụ án Thi tập của Lưu Chính Tông (1660) thời Thuận Trị; Vụ án Minh sử của Trang Đình Long (1633), Vụ án Nam Sơn tập của Đới Danh Thế (1711) thời Khang Hy; Vụ án đề thi của Tra Tự Đình (1726), Vụ án văn tuyển Lữ Lưu Lương (1729) thời Ung Chính; thời Càn Long, số lượng các vụ án văn chương chiếm con số cao nhất. Trong 8 tập “*Hồ sơ ngục tù văn tự đời Thanh*” ghi chép 65 vụ án thì đã có 64 vụ án ở thời Càn Long. Xin xem thêm: Cát Kiếm Hùng, *Bước thịnh suy của các triều đại phong kiến Trung Quốc*, Tập 3: Nhà Minh Thanh (sách dịch), NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2004, tr.406-410

(15) 田涛, 郑秦. 大清律例[M]. Sdd, 第 845 条例, 第 389 页

(16) 田涛, 郑秦. 大清律例[M]. Sdd, 第 830 条例, 第 384 页

(17) 田涛, 郑秦. 大清律例[M]. Sdd, 第 844 条例, 第 388 页

(18) Khang-Ung-Càn: một giai đoạn lịch sử thời Thanh, được gọi tắt theo niên hiệu của ba vị vua Khang Hy, Ung Chính, Càn Long

(19) 田涛, 郑秦. 大清律例[M]. Sdd, 第 499 条例, 第 258 页

(20) Xin xem thêm: 田涛, 郑秦. 大清律例[M]. Sdd, 第 503 条例, 第 144、145 律文, 第 260 页、第 265 - 266 页

(21) 田涛, 郑秦. 大清律例[M]. Sdd, 第 225 律文, 第 227 页

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. 高学强. 论清律对明律的继承和发展[J], 长安大学学报 (社会科学版), 2006, 第8卷, 第2期
2. 马薇薇. 试论清代的例对明代的例之继承[J], 燕山大学学报 (哲学社会科学版), 2003, 第4卷, 第2期
3. 怀效锋. 大明律[M]. 北京: 法律出版社, 1999
4. 郑定, 阎冬芳. 论清代对明朝条例的继承与发展[J]. 法学家, 4/2000
5. 田涛, 郑秦. 大清律例[M]. 天津市: 天津古籍出版社, 1993
6. 苏亦工. 明清律典与条例[M]. 北京: 中国政法大学出版社, 2000
7. 张荣铮. 论大清律例[J]. 法制论丛, 1/1992